

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/DS-PT
Ngày: 10 - 3 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ pháp lý, hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng

Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 252/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng ủy quyền”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Chính N; sinh ngày 07/4/1957; số CCCD: 001057014153 cấp ngày 10/7/2021; nơi cư trú: Số nhà C, Ngõ D, đường P, phường Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1; sinh ngày 28/9/1978; số CCCD: 030078020043 cấp ngày 17/11/2022; nơi cư trú: Số nhà D, đường T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lâm Chính N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Chính N trình bày:

Từ cuối năm 2020, có khoảng 60 - 70 người giới thiệu nhau liên hệ với anh T trình bày ý muốn khởi kiện Công ty Cổ phần T3 (sau đây viết tắt là Công ty T3)

không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của bên bán căn hộ. Anh T sau khi thu thập thông tin khách hàng qua điện thoại hẹn gặp tại Văn phòng công chứng, đưa ra các loại mẫu văn bản do anh T chuẩn bị sẵn cho từng khách hàng ký, tất cả các văn bản của từng người đều có nội dung giống nhau, gồm: Giấy ủy quyền, Hợp đồng dịch vụ pháp lý, Đơn khởi kiện. Ký xong anh T thu lại và tự giao nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Mọi người phải trả 10.000.000 đồng cho anh T (Văn phòng Luật sư Thịnh Đ) chia làm hai lần sau khi ký hợp đồng này. Tuy nhiên, để hợp đồng có hiệu lực pháp lý, hai bên còn phải ký với nhau thêm hợp đồng ủy quyền hợp pháp (Điều 3.1 Hợp đồng dịch vụ pháp lý); việc làm này được Thẩm phán phiên tòa phúc thẩm nhắc qua giấy triệu tập đương sự rằng “cần có văn bản ủy quyền hợp pháp”, nhưng phía Văn phòng Luật sư/anh T mặc dù đã được ông yêu cầu vẫn không thực hiện nghĩa vụ soạn thảo văn bản ủy quyền hợp pháp ký với nguyên đơn, nên Thẩm phán tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Văn phòng Luật sư Thịnh Đ không có người làm đại diện ủy quyền hợp pháp cho nguyên đơn, nên không có căn cứ pháp lý để thực hiện Điều 2.2 Hợp đồng dịch vụ pháp lý tại phiên tòa theo kiến nghị trước đó của nguyên đơn. Tại phiên tòa này, nguyên đơn chấm dứt việc ủy quyền cho anh Hoàng Minh T tham gia tố tụng khi không có văn bản ủy quyền hợp pháp được hai bên ký kết khi anh T chỉ có Giấy ủy quyền; anh T phải rời khỏi phòng xử án, Bản án số 80/2024/DS-PT ngày 19/4/2024 đã ghi nhận sự thật này.

Nhận thấy có việc Văn phòng Luật sư T1 Đạt/anh T che giấu, trốn tránh không thực hiện trách nhiệm pháp lý tại phiên tòa nhưng lại cố tình hưởng lợi về số tiền 10.000.000 đồng không có căn cứ pháp lý. Những công việc mà anh T làm cho nguyên đơn do anh T tự thực hiện theo Giấy ủy quyền mà anh T nộp cho Tòa án là sự lựa chọn chủ quan của anh T, bên ủy quyền không có trách nhiệm phải tiền cho những công việc anh T đồng ý nhận làm không có thù lao. Ông đã gửi yêu cầu trả lại số tiền 10.000.000 đồng tới Văn phòng L1 nhưng không nhận được ý kiến hợp tác từ phía bị đơn thể hiện quan điểm không thương lượng hòa giải. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Minh T – Trưởng Văn phòng L1 đã không thực hiện các thỏa thuận cam kết của hợp đồng nên phải hoàn trả tiền cọc (phí dịch vụ) đã nhận 10.000.000 đồng, số tiền mà anh T lấy thêm sau phiên tòa sơ thẩm 500.000 đồng, ngoài ra còn phải bồi thường các khoản tiền sau đây:

- Bồi thường khoản thu lao nếu thực hiện xong hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng 3% số tiền Công ty Cổ phần T3 thanh toán theo bản án có hiệu lực (2.687.712.493 đồng) là 80.631.374 đồng.

- Công sức để làm thay anh T vì việc anh T lừa dối khách hàng (không có tư cách đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, không có ủy quyền hợp pháp) tính bằng: Mức lương cơ sở (2.430.000 đồng/tháng) x 57 tháng (từ lúc khởi kiện tháng 11/2020 đến tháng 9/2025) = 138.510.000 đồng.

- Số tiền chi phí đi lại Hà Nội - Q - Hà Nội dự các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm... là 17.000.000 đồng (chứng từ sẽ nộp sau).

Bị đơn anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1 trình bày:

Anh là trưởng Văn phòng L1 tại thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với nguyên đơn cho đến nay. Theo điểm c khoản 1 Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015, Văn phòng L1 không phải là một tổ chức pháp nhân theo Luật Doanh nghiệp nên không có tư cách pháp nhân vì không có tài sản riêng. Văn phòng Luật sư Thịnh Đ do anh thành lập đứng Trưởng Văn phòng hoạt động trên cơ sở Điều 32 Luật Luật sư năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2012, có Giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền và có con dấu. Văn phòng Luật sư Thịnh Đ là của anh và anh tự chịu trách nhiệm mọi hoạt động của Văn phòng. Anh chịu trách nhiệm bằng tài sản cá nhân của mình cho hoạt động của Văn phòng. Anh được giới thiệu qua một bạn trưởng nhóm lập ra để đấu tranh với Công ty T3 đòi thanh lý hợp đồng. Qua bạn này anh kết nối zalo với ông N. Ông N tha thiết yêu cầu cho ông được tham gia cùng nhóm đi kiện Công ty T3 để được thanh lý hợp đồng. Bởi lẽ, trước đó anh đã lập nhóm kiện, đã ký kết hợp đồng và đã nộp đơn kiện cho nhiều khách hàng ở khu vực trong Nam tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn. Mặc dù chưa được nhận bất kỳ quyền lợi từ ông nhưng qua trao đổi tư vấn, anh đã yêu cầu ông gửi thông tin hợp đồng mà ông ký kết với Công ty T3, thông tin cá nhân...v.v..để anh soạn đơn kiện, đơn thông báo chấm dứt với Công ty T3 và đơn xin miễn án phí của ông trước khi hai bên gặp mặt trực tiếp, tránh mất nhiều thời gian vì cả hai đều ở xa. Sau đó, anh đã tự bỏ tiền túi vé máy bay, ăn ở để từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội gặp ông N. Tại Hà Nội, hai bên ký vào Hợp đồng dịch vụ pháp lý và anh cho ông ký vào đơn kiện, ký đơn thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty T3, đơn xin miễn án phí và nhận hồ sơ để về lập bộ sơ khởi kiện cho ông N.

Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý ký kết giữa Văn phòng của anh với ông N tại Điều 3.1 thì ông N có nghĩa vụ “Ký giấy hoặc hợp đồng ủy quyền để Bên A tham gia tố tụng với *tư cách là người đại diện ủy quyền hợp pháp cho bên B...*”. Trước khi ký kết hợp đồng, anh đã nêu rõ việc Văn phòng Luật sư không có tư cách pháp nhân nên Văn phòng Công chứng trên cả nước không đồng ý công chứng chứng thực Giấy ủy quyền tham gia tố tụng giữa Văn phòng Luật sư với cá nhân khách hàng; đồng thời, các khách hàng trong nhóm kiện Công ty T3 đều mong muốn anh trực tiếp tham gia vụ kiện của họ; nên anh đã nói rõ là anh sẽ tham gia với tư cách “Người đại diện ủy quyền”. Bởi thế, anh đứng tên người nhận ủy quyền với ông N. Bản thân anh là trưởng Văn phòng, anh nhận ủy quyền là để nộp đơn kiện và tham gia tố tụng cũng như xuyên suốt quá trình thi hành án khi bản án có hiệu lực. Anh vì quá tin tưởng với ông N cũng như các khách hàng khác như trường hợp ông N mà không buộc phải ký hợp đồng ủy quyền mà chỉ ký Giấy ủy quyền để thuận lợi chi phí công chứng chứng thực. Trong Giấy ủy quyền ghi nội dung không thù lao vì công việc mà anh nhận ủy quyền từ ông Nghĩa L thực hiện cho công việc mà Văn phòng L1 của anh ký với ông N. Việc ủy quyền là phần công việc nhằm mục đích để Văn phòng thực hiện công việc của mình với khách hàng. Nếu ông N không ký ủy quyền cho anh thì hai bên sẽ không ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý hay nói khác hơn thì sẽ không có việc anh giúp ông N kiện Công ty T3. Quá trình thực

hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý thông qua việc nhận ủy quyền từ ông N thì anh đã thực hiện như sau:

- Trước khi nộp đơn kiện, anh giúp ông N gửi thông báo chấm dứt hợp đồng. Chi phí anh tự bỏ dù không quy định trong hợp đồng. Sau đó anh từ Thành phố Hồ Chí Minh bay vào Q để nộp hồ sơ khởi kiện cho ông N tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, thay mặt ông N nộp tạm ứng án phí v.v.. và sau đó tham gia tố tụng với tư cách người đại diện ủy quyền hợp pháp trong các buổi làm việc của Tòa án. Quá trình tham gia tố tụng vụ án tại Thẩm phán Nguyễn Văn T2, anh đã nộp bản khai với tư cách người đại diện, nộp đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, nhận tiền từ ông N gửi rồi rút ra nộp tiền mặt cho Tòa án, hướng dẫn ông N cho vợ ông nộp bản khai theo mẫu chung soạn sẵn và đơn xin xét xử vắng mặt v.v.. Tất cả anh tham gia tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ kiện cho ông theo giấy triệu tập của Tòa.

- Sau đó, anh đã tham gia trực tiếp tại phiên tòa sơ thẩm tư cách người nhận ủy quyền; cụ thể, trong Bản án sơ thẩm số 207/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn cũng ghi nhận anh tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền. Sau phiên xử sơ thẩm, ông N có ngòi uống nước trao đổi anh làm kháng cáo và nhờ anh đóng án phí kháng cáo. Do nhiều vụ kiện sau đó, đang phân tâm mà quên trường hợp ông N được miễn án phí kháng cáo. Anh đã nhận trực tiếp 500.000 đồng. Tuy nhiên, ông N trực tiếp tự làm đơn kháng cáo gửi bưu điện cho Tòa. Nay anh đồng ý trả lại cho ông N số tiền 500.000 đồng này.

- Như vậy, xuyên suốt quá trình tham gia sơ thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Gia Lai), ông N không có rút ủy quyền của mình cho anh. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty T3 phải trả cho ông N 2.687.712.493 đồng thì có lẽ ông N sợ phải thanh toán cho anh (Văn phòng L1) số tiền 3% như đã thỏa thuận hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa hai bên mà rút ủy quyền cho anh tại phiên tòa phúc thẩm.

Anh luôn tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, chủ động vui lòng thanh lý hợp đồng với họ để tạo điều kiện cho họ được tiếp xúc với Công ty T3 để hòa giải. Trường hợp ông N thì hoàn toàn ngược lại, ông vẫn để anh tham gia tố tụng cho đến khi vụ án được xét xử sơ thẩm; sau đó tại phiên tòa phúc thẩm thì đơn phương chấm dứt ủy quyền. Phiên tòa phúc thẩm được mở ra 03 lần anh đều có mặt, nhưng mãi đến phiên tòa lần 3 thì tại phòng xét xử, hội đồng xét xử mới báo là ông N trực tiếp tham gia và có đơn xin chấm dứt ủy quyền với anh. Như thế nào thì ông N cũng là khách hàng của anh; nếu ông N báo sớm cho anh việc chấm dứt ủy quyền thì anh đỡ phải tốn kém chi phí đi lại khi tham gia phiên tòa phúc thẩm. Tại Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý không số .10/HĐDVPL-2020 ngày 30/10/2020 mà Văn phòng luật sư Thịnh Đ ký với ông N, Văn phòng có nhận khoản phí 10.000.000 đồng cố định không hoàn lại, trừ trường hợp từ chối, không tiếp tục tham gia thực hiện theo hợp đồng hai bên ký kết. Ngoài phí 10.000.000 đồng cố định này thì ông N đồng ý trả thù lao cho Văn phòng bằng 3% khoản tiền mà ông N

nhận từ Công ty T3 để thanh lý hợp đồng, chấm dứt hoặc được tuyên trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án và được nhận tại thời điểm Công ty T3 thực hiện việc chi trả. Cho nên, anh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N như sau:

- Trước yêu cầu anh trả lại 10.500.000 đồng thì anh đồng ý trả 500.000 đồng ngay trong quá trình giải quyết vụ án, còn 10.000.000 đồng anh không đồng ý trả vì đây là tiền phí cố định không hoàn lại theo Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý, đồng thời Văn phòng đã thực hiện công việc theo thỏa thuận thông qua việc anh đã tư vấn, soạn thảo đơn kiện v.v.. và nhận ủy quyền tham gia tố tụng cho đến khi có bản án sơ thẩm.

- Về yêu cầu anh bồi thường tiền cọc nhưng lại không nêu rõ là tiền cọc bao nhiêu tiền, dựa trên tài liệu chứng cứ nào mà anh nhận cọc từ ông N. Anh không nhận bất kỳ tiền cọc nào với tư cách cá nhân anh. Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ pháp lý thì Văn phòng Luật sư Thịnh Đ do anh làm Trưởng Văn phòng cũng không nhận bất kỳ khoản tiền cọc nào từ ông N nên yêu cầu bồi thường tiền cọc là anh không chấp nhận. Hơn thế, anh cũng không đồng ý bồi thường khoản thù lao 3% trên số tiền mà Công ty T3 thanh toán cho ông N theo bản án có hiệu lực.

Bởi lẽ, anh thực hiện công việc của Văn phòng của mình mà không có vi phạm gì. Anh đã tham gia xuyên suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa với tư cách người nhận ủy quyền hợp pháp từ ông N. Anh không lừa dối khách hàng khi đề nghị ông N ký Giấy ủy quyền. Như đã nói sơ bộ phần trên, việc ký ủy quyền là công việc bắt buộc để Văn phòng thực hiện công việc đã ký kết với ông N. Việc ký ủy quyền tư cách cá nhân cho Văn phòng Luật sư thì Cơ quan Công chứng từ chối chứng nhận. Việc này anh đã nói rõ cho khách hàng trước đó, ông Nghĩa L người nhờ sau nên trước khi ông N nhờ anh giúp thì buộc N có thắc mắc gì thì hỏi lại. Hơn thế, anh đích danh Trưởng Văn phòng trực tiếp tham gia tố tụng tư cách người nhận ủy quyền không làm ảnh hưởng hay mất đi quyền lợi trong vụ kiện. Ngược lại anh nhận ủy quyền trực tiếp đã khiến anh vất vả mấy năm nay khi tham gia tố tụng. Giấy ủy quyền được chứng thực tại Văn phòng C (thuộc quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội) là hoàn toàn hợp pháp, thể hiện ý chí tự nguyện của ông N khi ủy quyền cho anh. Bởi thế, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn căn cứ Giấy ủy quyền này mà cho anh tham gia tố tụng đại diện cho ông N.

Ông N dựa vào phần ghi chú trong Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ghi: *“Trong trường hợp ủy quyền, đề nghị có văn bản ủy quyền hợp pháp”*, mặc dù trong các Giấy triệu tập đã ghi nhận anh là người đại diện hợp pháp của ông N. Anh đã giải thích đây chỉ là mẫu chung của Tòa án gửi không chỉ cho ông, cho anh mà còn cho nhiều đương sự khác trong vụ án để phòng trong trường hợp có thay đổi hoặc có ủy quyền mới thì phải là ủy quyền hợp pháp. Còn trong trường hợp này thì anh đã là người nhận ủy quyền đại diện hợp pháp của ông, không thay đổi. Tuy nhiên, chỉ vì việc này hay lý do nào khác mà ông N tìm mọi

cách chấm dứt ủy quyền với anh. Trong trường hợp này anh không sai. Anh không có lỗi hay hành vi trái pháp luật mà gây ra hậu quả thiệt hại gì cho ông N.

- Về yêu cầu anh thanh toán công sức cho ông N đã làm thay anh vì việc anh lừa dối khách hàng, vì anh không có tư cách đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, không ủy quyền hợp pháp với số tiền 126.396.000 đồng thì anh cũng không đồng ý. Bởi lẽ, ông N đã làm thay anh như thế nào? Cụ thể việc gì? Chi phí thực hiện thay như thế nào mà buộc anh thanh toán tương ứng mức lương cơ sở trong thời gian 54 tháng? Yêu cầu này là quá bất hợp lý và không có cơ sở xem xét.

Ông N xác định rõ trong yêu cầu này việc anh lừa dối khách hàng thể hiện vào việc anh không có tư cách người đại diện theo pháp luật nguyên đơn, không có ủy quyền hợp pháp. Nhưng rõ ràng, anh đã thực hiện việc đại diện ủy quyền thay mặt ông tham gia tố tụng là hoàn toàn đúng pháp luật. Anh đã nộp đơn kiện, đóng án phí giúp ông và tham gia theo Giấy triệu tập của Tòa án, tất cả là trên cơ sở ông ủy quyền. Phải có Giấy ủy quyền thì anh mới đại diện nhân danh ông thực hiện các công việc trong quá trình trước và trong tố tụng. Trước khi ký vào Giấy ủy quyền thì ông đã tự xem lại, ký tên và điểm chỉ trước mặt Công chứng viên. Anh không ép buộc ông N ký ủy quyền cho anh. Ông N hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, tự nguyện ký Giấy ủy quyền cho anh.

- Về yêu cầu anh phải bồi thường khoản chi phí ông dự các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì anh cũng không đồng ý. Yêu cầu này là quá bất hợp lý. Ông N giả vờ như người không hiểu chuyện hay ông muốn yêu cầu sao thì sẽ được như ý ông. Vụ kiện mà Tòa án giải quyết là của ông với Công ty T3. Ông phải bỏ tiền để vào tham dự phiên tòa là đương nhiên. Ông không vào thì còn có anh người đại diện ủy quyền tham gia thay. Phải nói lại là việc ông N có ý kiến về Giấy ủy quyền là tại thời điểm phúc thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm thì ông N không có ý kiến gì về Giấy ủy quyền.

Ông N đã chủ động đơn phương chấm dứt việc ủy quyền cho anh, dẫn đến anh không thể tiếp tục thực hiện các công việc còn lại, cũng coi như đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết. Tuy nhiên, tại thời điểm anh còn tham gia sơ thẩm thì bản án sơ thẩm đã tuyên chấm dứt hợp đồng mua bán căn hộ giữa ông N với Công ty T3 và tuyên buộc Công ty T3 phải trả cho ông N một khoản tiền. Như vậy, anh thông qua tư cách người được ủy quyền đã thực hiện đúng công việc theo thỏa thuận nêu trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông N. Anh sẽ có đơn khởi kiện cụ thể sau vụ án này. Tóm lại, ngoài số tiền 500.000 đồng thì tất cả các yêu cầu khác của ông N trong vụ kiện này anh không đồng ý hoàn trả hay bồi thường.

Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

- Điều 3, 117, 119, 138, 139, 140, 141, 513, 514, 520, 562, 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 33 của Luật Luật sư;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chính N về việc yêu cầu anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1 phải hoàn trả phí dịch vụ và bồi thường các khoản tiền do vi phạm Hợp đồng dịch vụ pháp lý, Giấy ủy quyền đã ký kết.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1 hoàn trả cho ông Lâm Chính N số tiền đã nhận để nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/9/2025 và ngày 26/9/2025, nguyên đơn ông Lâm Chính N kháng cáo và kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu thêm các khoản bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N bổ sung kháng cáo, yêu cầu bị đơn bồi thường thêm các khoản tiền: Bồi thường thiệt hại theo hợp đồng dịch vụ pháp lý là: $10 \text{ triệu đặt cọc} \times 2 + 3\%(80.631.000) \times 2 = 20.000.000 + 161.262.000 = 181.262.000$ đồng; bồi thường thiệt hại sử dụng giấy ủy quyền tại phiên tòa làm đại diện của nguyên đơn (tính bắt đầu từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2026 là 39 tháng, mức lương cơ sở loại A bậc 1 thực lĩnh : 4.900.000 đồng, thành tiền: $39 \times 4.900.000 = 191.100.000$ đồng); bồi thường thiệt hại cho hành vi không giao nộp cho toà án tài liệu, chứng cứ (tiền vé máy bay đi lại để giải quyết vụ án là 22.343.000 đồng), riêng thiệt hại ông T không giao nộp tài liệu, chứng cứ: hiện tại chưa thể tính toán đủ thiệt hại do hành vi này gây ra. Xin kiến nghị để chuyển sang cơ quan có thẩm quyền nghiệp vụ giải quyết; bồi thường thiệt hại việc các chủ thể có liên quan không tuân theo quy trình tố tụng “xác định chứng cứ”; “đánh giá chứng cứ” Giấy Ủy quyền, thời gian bắt đầu tính từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2026 là 38 tháng. Mức lương thẩm phán sơ thẩm lĩnh: $6.543.000 \times 38 = 248.634.000$ đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng thực hiện

đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chính N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ông Lâm Chính N khởi kiện về Hợp đồng dịch vụ pháp lý ký kết với Văn phòng L1 và Giấy ủy quyền ký kết với anh Hoàng Minh T, yêu cầu anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1 phải hoàn trả phí dịch vụ, khoản tiền đã nhận đề nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và bồi thường các khoản tiền do vi phạm hợp đồng vì cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có những hành vi vượt quá phạm vi ủy quyền, lừa dối ông N về việc nhập nhằng giữa tư cách Văn phòng luật sư Thịnh Đ và cá nhân ông Hoàng Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng dịch vụ pháp lý không số .10/HĐDVPL-2020 ngày 30/10/2020 giữa Trưởng Văn phòng L1 - Anh Hoàng Minh T (Bên A) và ông Lâm Chính N (Bên B) do các bên có đầy đủ năng lực, tự nguyện ký kết, với hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 3, 117, 119, 513, 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 26, 33 của Luật Luật sư. Hợp đồng ủy quyền thể hiện dưới hình thức Giấy ủy quyền giữa ông Lâm Chính N (Bên ủy quyền) và anh Hoàng Minh T (Bên được ủy quyền) công chứng số 6011.2020, quyền số 02 TP/CC ngày 23/11/2020 tại Văn phòng C do các bên có đầy đủ năng lực, tự nguyện ký kết, với hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 3, 117, 119, 138, 139, 140, 141, 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông N cũng thừa nhận việc tự nguyện ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng ủy quyền. Do đó, các hợp đồng này có giá trị pháp lý, buộc các bên tham gia phải thực hiện đúng cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng.

[2] Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý không số .10/HĐDVPL-2020 ngày 30/10/2020, các bên có thỏa thuận về các hình thức dịch vụ pháp lý mà bên A phải thực hiện đó là: Đại diện theo ủy quyền cho bên B tham gia tố tụng hoặc cử Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên B (tại Điều 1 của hợp đồng).

Từ điều khoản thỏa thuận đó, anh Hoàng Minh T - Trưởng Văn phòng L1 mới xác lập hợp đồng ủy quyền với bên B theo Giấy ủy quyền công chứng số 6011.2020, quyền số 02 TP/CC ngày 23/11/2020 tại Văn phòng C. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Chính N, anh T đã thực hiện các công việc theo nội dung và phạm vi ủy quyền tại Giấy ủy quyền nêu trên, trực tiếp tham gia phiên tòa sơ thẩm theo Bản án số 207/2023/DS-ST ngày

14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và tham gia giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm theo đơn kháng cáo của ông N.

[3] Việc ông N cho rằng anh T lừa dối khách hàng để ký Giấy ủy quyền công chứng số 6011.2020, quyền số 02 TP/CC ngày 23/11/2020 cũng như việc anh T tự ý thực hiện các công việc không được ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền và Hợp đồng dịch vụ pháp lý không số .10/HĐDVPL-2020 ngày 30/10/2020 là không có căn cứ. Mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/4/2024 ông N đã đơn phương chấm dứt việc ủy quyền cho anh T dẫn đến việc anh T không thể tiếp tục thực hiện các công việc còn lại theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý và Giấy ủy quyền, coi như Hợp đồng dịch vụ pháp lý cũng bị đơn phương chấm dứt. Việc ông N đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng không báo cho anh T biết trước một thời gian hợp lý là vi phạm các Điều 520, 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác đối với các yêu cầu về tiền bồi thường, tiền công làm thay, tiền di chuyển không được thỏa thuận ở bất cứ điều khoản nào giữa anh T và ông N trong 2 hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng ủy quyền. Cho nên, việc ông N yêu cầu anh T - Trưởng Văn phòng L1 hoàn trả phí dịch vụ và bồi thường các khoản tiền như đã nêu trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về số tiền 500.000 đồng anh T nhận từ ông N để nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Nghĩa là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, anh T cũng thừa nhận việc có nhận của ông N 500.000 đồng và tự nguyện hoàn trả cho ông N số tiền đã nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc trả lại cho ông N số tiền 500.000 đồng là đúng quy định.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Chính N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chính N không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuy nhiên do ông Nghĩa L người cao tuổi nên được miễn tiền áp phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 và 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chính N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 3, 117, 119, 138, 139, 140, 141, 513, 514, 520, 562, 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 33 của Luật Luật sư;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chính N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai
2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Chính N được miễn.
3. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn D